

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định thủ tục xác nhận
việc trình báo đường thủy nội địa

Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa¹.

¹ Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 144/2025/NĐ-PC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện khi phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa và trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thuyền trưởng, người lái phương tiện, cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá trị pháp lý của trình báo đường thủy nội địa

1. Trình báo đường thủy nội địa được xác nhận theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này có giá trị chứng cứ pháp lý khi giải quyết các tranh chấp có liên quan.

2. Trình báo đường thủy nội địa đã được xác nhận theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này không miễn trừ trách nhiệm pháp lý của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện đối với các sự việc khác có liên quan.

Điều 4. Ngôn ngữ trong việc lập, xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa

Trình báo đường thủy nội địa được lập, xác nhận bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; trường hợp trình báo đường thủy nội địa được lập bằng tiếng Anh thì theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện phải trình kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt.

Chương II

THỦ TỤC XÁC NHẬN VIỆC TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa²

Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố là cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

Điều 6. Thời hạn trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất³ trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

2. Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư này chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá ghé vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

3. Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư này trước khi mở nắp hầm hàng. Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì thực hiện theo khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp không thể trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này thì trong trình báo đường thủy nội địa phải ghi rõ nguyên nhân của sự chậm trễ đó.

Điều 7. Trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa

Khi trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư này, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền phải nộp và xuất trình các giấy tờ sau:

1. Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển:

a) Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

b) Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc (02 bản);

c) Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

2. Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá:

a) Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

b) Bản sao Tờ họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có), (02 bản).

3. Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

³ Cụm từ “Cảng vụ Đường thủy nội địa” được thay thế bởi cụm từ “Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất” theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

a) Đối với tàu biển: các giấy tờ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá: các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Đối với bản trình báo đường thủy nội địa, ngoài chữ ký của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện và đóng dấu của tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu cá (nếu có con dấu), còn phải có chữ ký của máy trưởng hoặc 01 (một) thủy thủ với tư cách là người làm chứng.

5. Ngoài số lượng trình báo đường thủy nội địa được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có thể đề nghị xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung, nếu thấy cần thiết.

Điều 8. Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa

1. Khi thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền nộp và xuất trình đủ các giấy tờ quy định tại Điều 7 của Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

2. Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa bao gồm các nội dung sau:

- a) Ngày, giờ nhận trình báo đường thủy nội địa;
- b) Xác nhận việc đã trình báo đường thủy nội địa;
- c) Họ, tên, chức danh và chữ ký của người xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa;
- d) Đóng dấu của cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

3.4 Thời hạn giải quyết xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa không quá 02 (hai) giờ làm việc, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

4. Cơ quan xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa lưu 01 (một) bộ giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, các giấy tờ còn lại trả cho thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

Điều 9. Trình báo đường thủy nội địa bổ sung

1. Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có quyền lập trình báo đường thủy nội địa bổ sung nếu thấy cần thiết.

2. Trình báo đường thủy nội địa bổ sung cũng phải được trình cho cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa bổ sung được áp dụng tương tự như thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵

⁵ Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 31. Hiệu thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Xây dựng

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này;

b) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn lực, các điều kiện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành báo cáo Bộ Xây dựng để kịp thời xử lý, tháo gỡ;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

1. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến chính quyền hai cấp:

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp huyện đang giải quyết cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nếu đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà vẫn chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng sau đó phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm phân công cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đang có công việc, hồ sơ thủ tục hành chính cần giải quyết để tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp; trường hợp nội dung công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đó liên quan đến từ 02 đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp trở lên hoặc có nội dung phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm trực tiếp giải quyết hoặc phân công cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

3. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp trả lại hồ sơ để hoàn thiện thì gửi hồ sơ đến cơ quan được phân cấp theo quy định tại Thông tư này để tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Thông tư này.

4. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này:

a) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước;

b) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước.

5. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư này.

a) Cấp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư;

b) Trường hợp dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đủ điều kiện thẩm định thì việc xác định cấp công trình và áp dụng cấp công trình

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ XÂY DỰNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm trình thẩm định;

c) Trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng không làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư; trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định tại Thông tư này./.”

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2014)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
NOTICE OF INLAND WATERWAY**

Kính gửi/To:.....

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/Name of Captain (vessel operator):.....
.....
 - Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/Identity card (passport) number:.....
 - Chức danh/Position:.....
 - Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:.....
 2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/Time of the accident, incident:.....
 3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/Location of the accident, incident:.....
.....
 4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident:
 5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel):.....
.....
.....
 6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/Damage caused by the accident, incident:.....
.....
.....
 7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:.....
.....
.....
- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./. I am liable for the accuracy of the information mentioned above./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date/month/year

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Certified by the competent authority**

**Thuyền trưởng (người lái phương tiện)
Captain (vessel operator)**
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)
Signature, name and seal (if applicable)

**Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ
Signature of the chief engine or a sailor**